

Số: 727/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; số 04/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021 - 2025 và ngân sách trung ương năm 2023 (dự phòng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 12/3/2025 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/3/2025 của HĐND tỉnh về điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;*

Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-VPĐPNTM ngày 14/3/2025 và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 73/TTr-STC ngày 18/3/2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 và Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 đối với một số địa phương.

*(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo).*

2. Bổ sung Dự án đầu tư cải tạo một số hạng mục của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Nhà đa năng Trường trung học Phổ thông Huỳnh Thúc Kháng) vào danh mục đầu tư công trung hạn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

*(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo).*

3. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 với tổng số tiền 34.544 triệu đồng cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn phân bổ sau tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh.

*(Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo).*

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan

- Giao các địa phương được điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này rà soát báo cáo HĐND cùng cấp phê duyệt bổ sung danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối với các xã điều chỉnh định mức phân bổ. Đồng thời, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 tại khoản 3, Điều 1 theo phân cấp quản lý trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Báo cáo HĐND cùng cấp bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định và cân đối bố trí thêm ngân sách cấp huyện, xã cho xây dựng nông thôn mới phấn đấu đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 đã đề ra.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả; tập trung đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn, thực hiện thanh, quyết toán theo quy định;

- Cuối giai đoạn, rà soát các công trình có quyết toán dự án hoàn thành ở các xã/chủ đầu tư trên địa bàn, trường hợp một số xã/chủ đầu tư sau quyết toán

(hoặc dự phòng của dự án không sử dụng) còn thừa nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo tỷ lệ, tiêu chí, định mức trong tổng số vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nếu có) nhưng không đủ làm công trình mới, Hội đồng nhân dân cấp huyện rà soát tất cả nguồn vốn đầu tư ở các xã, phòng/ban làm chủ đầu tư để điều chỉnh và phân bổ đầu tư từ một đến hai công trình trên địa bàn nhằm giải ngân hết nguồn vốn được giao (ưu tiên cho các xã khó khăn hoặc xã chưa đảm bảo duy trì chuẩn).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư Dự án đầu tư cải tạo một số hạng mục của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, gửi Sở Tài chính kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi phân bổ vốn chi tiết cho dự án; đồng thời chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nguồn vốn theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XII lập thủ tục cấp kinh phí, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch yêu cầu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XII; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã có triển khai thực hiện Chương trình NTM và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NN và MT, Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND, HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Tuấn**

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

*DVT: triệu đồng*

TT	Địa phương, đơn vị, nội dung	Kế hoạch vốn phân bổ tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 và Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh			Tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng vốn ĐTPPT trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Ngân sách TW		Ngân sách Tỉnh		Tổng vốn ĐTPPT trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		
			Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(11)+(12)	(11)	(12)	(13)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>136.909</b>	<b>98.816</b>	<b>38.093</b>	<b>22.652</b>	<b>22.652</b>	<b>11.893</b>	<b>11.893</b>	<b>136.909</b>	<b>98.816</b>	<b>38.093</b>	
<b>I</b>	<b>Hội An</b>											
1	Cẩm Thanh	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Tân Hiệp	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>II</b>	<b>Điện Bàn</b>											
1	Điện Phong	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Điện Trung	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
3	Điện Quang	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
4	Điện Phước	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
5	Điện Thọ	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
6	Điện Tiến	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>III</b>	<b>Phú Ninh</b>											
1	Tam Vinh	2.823,314	2.823,314			700,949			2.122,365	2.122,365		Sáp nhập vào thị trấn Phú Thịnh
2	Tam Phước	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>IV</b>	<b>Duy Xuyên</b>											
1	Duy Hoà	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Duy Trinh	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
3	Duy Sơn	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
4	Duy Phước	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>V</b>	<b>THẮNG BÌNH</b>											
1	Bình Chánh	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	2 xã sáp nhập
2	Bình Phú	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	
<b>VI</b>	<b>ĐẠI LỘC</b>											
1	Đại Hiệp	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Đại Thăng	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
3	Đại Quang	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>VII</b>	<b>QUẾ SƠN</b>											
1	Quế Phú	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>VIII</b>	<b>NÚI THÀNH</b>											

TT	Địa phương, đơn vị, nội dung	Kế hoạch vốn phân bổ tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 và Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh			Tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng vốn ĐTPPT trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Ngân sách TW		Ngân sách Tỉnh		Tổng vốn ĐTPPT trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		
			Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	
1	Tam Xuân 2	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Tam Mỹ Đông	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
3	Tam Giang	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
4	Tam Anh Nam	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>IX</b>	<b>NÔNG SƠN</b>											
1	Quê Trung	2.823,314	2.823,314		540,000				2.283,314	2.283,314		Lên thị trấn Trung Phước
<b>X</b>	<b>TIÊN PHƯỚC</b>											
1	Tiên Phong	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
2	Tiên Cảnh	2.823,314	2.823,314		856,439			475,700	2.442,575	1.966,875	475,700	Đã đạt NTM nâng cao
<b>XI</b>	<b>TÂY GIANG</b>											
1	Anông	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
2	Lăng	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
<b>XII</b>	<b>ĐÔNG GIANG</b>											
1	Xã Ba	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
2	Xã Tư	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
<b>XIII</b>	<b>PHƯỚC SƠN</b>											
1	Phước Xuân	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
<b>XIV</b>	<b>BẮC TRÀ MY</b>											
1	Trà Dương	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
2	Trà Tân	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
3	Trà Đông	2.823,314	2.823,314			2.831,500			5.654,814	5.654,814	-	Xã miền núi cao
<b>XV</b>	<b>THI ĐUA, DỰ PHÒNG</b>											
	Thi đua	30.000		30.000				9.500	20.500	0	20.500	
	Dự phòng	8.092,575		8.092,575				2.392,575	5.700	0	5.700	

Phụ lục II

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Địa điểm	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú	
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			
							Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh	NSTW (trong nước)			Ngân sách tỉnh		NSTW (trong nước)
<b>TỔNG SỐ</b>							-	-	-	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	-		
1	Dự án đầu tư cải tạo một số hạng mục của Trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng (Nhà đa năng Trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng).	Huyện Tiên Phước	Sở Giáo dục và Đào tạo							4.000	4.000			

**Phụ lục 03**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn năm 2025 đề nghị phân bổ						Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
				Tổng số	Trong đó:			
					Nguồn XDCBTT	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn TT, TKC	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.544</b>	<b>22.652</b>	<b>11.892</b>	<b>275</b>	<b>6.867</b>	<b>4.750</b>	
1	Hội An	951,360		951,360			951,360	Các xã: Cẩm Thanh, Tân Hiệp
2	Điện Bàn	2.854,080		2.854,080		2.854,080		Các xã: Điện Quang, Điện Trung, Điện Phong, Điện Phước, Điện Thọ, Điện Tiến
3	Phú Ninh	475,680		475,680		475,680		Tam Phước
4	Duy Xuyên	1.902,720		1.902,720		1.902,720		Các xã: Duy Hòa, Duy Trinh, Duy Sơn, Duy Phước
5	Thăng Bình	951,360		951,360			951,360	Bình Phú
6	Đại Lộc	1.427,040		1.427,040		1.427,040		Các xã: Đại Hiệp, Đại Thắng, Đại Quang
7	Quế Sơn	475,680		475,680			475,680	Quế Phú
8	Núi Thành	1.902,720		1.902,720			1.902,720	Các xã: Tam Xuân 2, Tam Mỹ Đông, Tam Giang, Tam Anh Nam
9	Tiên Phước	951,360		951,360	275	207,480	468,880	Các xã: Tiên Cảnh, Tiên Phong
10	Tây Giang	5.663	5.663					Các xã: A Nông, Lãng
11	Đông Giang	5.663	5.663					Các xã: Ba, xã Tư
12	Phước Sơn	2.831,500	2.831,500					Phước Xuân
13	Bắc Trà My	8.494,500	8.494,500					Các xã: Trà Đông, Trà Dương, Trà Tân